

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

**PHỤ GIA THỰC PHẨM - CHẾ PHẨM TINH BỘT:
DISTARCH PHOSPHAT ACETYLAT
(TINH BỘT BIẾN TÍNH CB)**

TCCS 51/VDN/2023

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ: TCCS 51/VDN/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam
Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138
E-mail: d1-hha@vedaninternational.com
Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Distarch Phosphat Acetylat (Tinh Bột Biến Tính CB)
2. Thành phần định lượng: Acetylated distarch phosphat (INS 1414): 100%.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì
a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

Tên sản phẩm	Ký hiệu sản phẩm	Quy cách bao gói
PHỤ GIA THỰC PHẨM – CHẾ PHẨM TINH BỘT : DISTARCH PHOSPHAT ACETYLAT (TINH BỘT BIẾN TÍNH CB)	CBS - 1068	25 kg và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.
	CBS – 8827	
	CBM – 1028	
	CBS – 8831	
	CBU – 8852	
	CBX – 8866	
	CBM – 8871	
	CBX – 8896	
	CBS – 1099	
	CBX – 8897A	
	CBS – 8891	
	CBU – 8851H	
	CBS - 1011	

	CBS - 1064	
	CBL - 8835	
	CBS - 8830	
	CBU - 8851	
	CBS - 8899	
	CBU - 8856	
	K-1	

b) **Chất liệu bao bì:** Bao giấy, bao giấy có lồng bao PE, bao giấy có tráng lớp LDPE lớp trong cùng, hoặc theo yêu cầu khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Distarch Phosphat Acetylat (Tinh Bột Biến Tính CB) đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 4-18:2011/BYT về Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 21 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



NI CHIH HAO

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam	Nhóm sản phẩm: PHỤ GIA THỰC PHẨM	SỐ: TCCS 51/VDN/2023
	Sản phẩm: PHỤ GIA THỰC PHẨM - CHẾ PHẨM TINH BỘT: DISTARCH PHOSPHAT ACETYLAT (TINH BỘT BIẾN TÍNH CB)	Có hiệu lực Ngày 01 tháng 01 năm 2024

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột mịn
2	Màu sắc	Màu trắng hoặc trắng nhạt
3	Mùi	Không mùi

1.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Độ tan	-	Không tan trong nước lạnh (nếu không hồ hóa trước), tạo thành dung dịch keo nhớt điển hình trong nước nóng, không tan trong ethanol.
2	Cấu trúc hiển vi	-	Các dạng chế phẩm tinh bột không được hồ hoá trước vẫn giữ nguyên cấu trúc hạt có thể xác định là tinh bột nhờ quan sát bằng kính hiển vi. Hình dạng, kích thước và đôi khi sự sắp xếp các sọc hoặc đường vẫn là đặc trưng của nguồn gốc thực vật. Dưới ánh sáng phân cực qua lăng kính nicol, gốc cắt phân cực điển có thể quan sát được.
3	Phản ứng nhuộm màu Iod	-	Có phản ứng nhuộm màu iod đặc trưng.
4	Phản ứng khử đồng	-	Có phản ứng khử đồng đặc trưng.

5	Phản ứng đặc trưng đối với các nhóm acetyl	-	Có phản ứng đặc trưng đối với các nhóm acetyl.
6	Thử dương tính đối với nhóm ester	-	Có mặt của các nhóm ester.
7	Hàm lượng SO ₂	mg/kg	< 10,0
8	Hàm lượng các nhóm Acetyl	%	≤ 2,5
9	Hàm lượng phosphat tính theo Phosphor	%	≤ 0,04
10	Hàm lượng Vinyl Acetat	mg/kg	≤ 0,1
11	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	≤ 2,0

2. Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì sản phẩm.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:**

Chức năng: Chất nhũ hóa, chất ổn định, chất làm dày.

Sử dụng cho chế biến thực phẩm.

Hàm lượng và đối tượng sử dụng phù hợp với Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30/08/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

- **Hướng dẫn bảo quản:**

Bảo quản trong bao bì kín, để ở nơi khô ráo, thoáng mát, có mái che.

4. Thông tin cảnh báo:

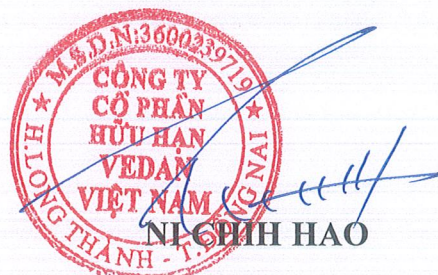
Không để gần với các chất dễ gây cháy, nổ, hóa chất độc hại.

5. Nội dung ghi nhãn

Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính Phủ về ghi nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2023 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.

Đồng Nai, ngày 21 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐT: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

**Sản phẩm: Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Distarch Phosphat Acetylat
(Tinh Bột Biến Tính CB)**

Các chỉ tiêu giám sát	Định kỳ giám sát	Đơn vị thực hiện
– Cảm quan (Trạng thái, màu sắc, mùi) – Độ tan – Cấu trúc hiển vi – Phản ứng nhuộm màu Iod – Phản ứng khử đồng – Phản ứng đặc trưng đối với các nhóm acetyl – Thử dương tính đối với nhóm ester – Hàm lượng SO₂ – Hàm lượng các nhóm Acetyl – Hàm lượng phosphat tính theo Phosphor – Hàm lượng Vinyl Acetat – Hàm lượng chì (Pb)	1 năm / 1 lần	Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025

Đồng Nai, ngày 01 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC





VEDAN



Phụ Gia Thực Phẩm - Chế Phẩm Tinh Bột

DISTARCH PHOSPHAT ACETYLAT

(TINH BỘT BIẾN TÍNH CB)

Dùng cho thực phẩm

Ký Hiệu Sản Phẩm:

Khối lượng tịnh: 25 kg

Thành phần định lượng:

Acetylated distarch phosphat (INS 1414): 100%.

Hướng dẫn sử dụng:

Chức năng: Chất nhũ hóa, chất ổn định, chất làm dày.

Sử dụng cho chế biến thực phẩm.

Hàm lượng và đối tượng sử dụng phù hợp với Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30/08/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, để ở nơi khô ráo, thoáng mát, có mái che.

Thông tin cảnh báo:

Không để gần với các chất dễ gây cháy, nổ, hóa chất độc hại.

Thời hạn sử dụng:

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX:

HSD:

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 02513825111 /**Free Hotline:** 1800599902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 51/VDN/2023

Được sự cho phép bởi:

VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O. Box 2681 GT,
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



Certificate VN14/00038

The Food Safety Management System of

Vedan Vietnam Enterprise Corp., Ltd

SGS

COID: VNM-1-0587-938482

National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

has been assessed and certified as meeting the requirements of

Food Safety System Certification FSSC 22000

Certification scheme for food safety management systems consisting of the following elements:
ISO 22000:2018, ISO/TS22002-1:2009 and Additional FSSC 22000 requirements (version 5.1).

This certificate is applicable for the scope of

The Scope of Registration appears on page 2 of this certificate

Food Category CIV - Processing of ambient stable products, K - Production of (Bio) Chemicals

This certificate is valid from 23 November 2023 until 22 November 2026 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.

Date of Certification decision 21 October 2023

Issue Date 24 October 2023

Issue 9. Certified since 23 November 2014

Jonathan M. Hall

Authorised by
Jonathan Hall
Global Head - Certification Services
SGS United Kingdom Ltd

Rossmore Business Park, Ellesmere Port, Cheshire, CH65 3EN, UK
t +44 (0)151 350-6666 - www.sgs.com

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 Tháng 10 Năm 2023



Authenticity of this certificate can be verified in the FSSC 22000 database of certified organizations available on www.fssc22000.com.



FSSC 22000



This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.



Vedan Vietnam Enterprise Corp., Ltd

Food Safety System Certification FSSC 22000

Manufacture (Fermentation, Purification, Crystallization, Drying, Sieving, Magnet, Metal Detector) of Monosodium L-Glutamate (MSG) used for Food Ingredients.

Manufacture (Fermentation, Separation, Neutralization, Purification, Filtration, Crystallization GA, Drying, Sieving, Magnet, Metal Detector) of Glutamic Acid (GA) used for Food Ingredients.

Manufacture (Dispensing MPG, Filtration, Crystallization, Drying, Sieving, Magnet, Metal Detector) of Monopotassium L-Glutamate (MPG) used for Food Ingredients.

Manufacture (Granulation, Drying, Sieving, Magnet) of Dried Seasoning.

Manufacture (Reaction, Dilution, Sand Separation, Filter, Water Separation, Drying, Sieving, Magnet, Metal Detector) of Modified Starch.

Manufacture (Filter, Heat Treatment, Crude Grinding, Magnet, Metal Detector) of Pregelatinized Starch.

Manufacture (Reaction, Filtration, Dissociation, Magnet, Heat Treatment, Metal Detector) of Modified Starch Pregel.

Manufacture (Gelatinization, Liquefaction, Saccharification, Decoloration, Filter, Ion Exchange, pH Adjustment, UV-Light, Concentration, Filtration) of Maltose Syrup, Glucose Syrup and Rice Syrup.

Manufacture (Sieving, Soaking and milling, Liquefaction, Filtration, Homogenization, Magnet, Drying, Sieving, Metal Detector) of Rice Protein Concentrate

Manufacture (Liquefaction, Decolonization, Filtration, Concentration, Drying, Sieving, Magnet, Metal Detector) of Maltodextrin.

Manufacture (Liquefaction, Decolonization, Filtration, Concentration, Drying, Sieving, Magnet, Metal Detector) of Syrup Solids.

All Packed in Plastic Packaging and Kraft Paper.



This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.





TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ① No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam ② C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam ③ 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02164BTP3/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/05/2023
Page 01/03

- Tên mẫu
Name of sample : PHỤ GIA THỰC PHẨM – CHẾ PHẨM TINH BỘT: DISTARCH
PHOSPHAT ACETYLAT (TINH BỘT BIẾN TÍNH CB)
LOTNO: 23021266A
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu
do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer,
sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 17/04/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/04/2023 – 26/05/2023
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM
VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai village, Long Thành -
Long Thanh District, Đồng Nai/ Dong Nai Province, Vietnam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02-03/03*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-02164BTP3/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 31/05/2023
 Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement</i> (≥)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Cảm quan ^(*) / <i>Sensory test</i>	QTTN/KT3 234 : 2019		-	
• Trạng thái/ <i>State</i>				Dạng bột <i>Powder</i>
• Màu sắc/ <i>Color</i>				Màu trắng <i>White</i>
• Mùi / <i>Odor</i>				Không mùi <i>Odorless</i>
7.2. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg <i>Sulfur dioxide content</i>	AOAC 2019 (990.28)		6,0	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Phản ứng nhuộm màu iod <i>Iodine stain</i>	QCVN 4-18: 2011 /BYT		-	Có phản ứng nhuộm màu iod đặc trưng <i>Characteristic iodine stain</i>
7.4. Phản ứng khử đồng <i>Copper reduction</i>	QCVN 4-18: 2011 /BYT		-	Có phản ứng khử đồng đặc trưng <i>Characteristic copper reduction</i>
7.5. Hàm lượng vinyl acetate ^(*) , mg/kg <i>Vinyl acetate content</i>	QCVN 4-18:2011/BYT	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Hàm lượng nhóm acetyl tính theo khối lượng, % <i>Acetyl groups content (m/m)</i>	QCVN 4-18: 2011 /BYT		-	0,98

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUATEST 3®

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Email: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ① No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam ② C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam ③ 04 L, Dong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02164BTP3/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/05/2023
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.8. Độ tan Solubility	QCVN 4-18: 2011 /BYT		-	- Không tan trong nước lạnh / insoluble in cold water - Tạo thành dung dịch keo nhớt điển hình trong nước nóng / a viscous solution when adder hot water - Không tan trong ethanol / insoluble in ethanol
7.9. Hàm lượng photphat tính theo phốt pho tính theo khối lượng ^(*) , Phosphate content (calculated phosphorus) (m/m)	QCVN 4-18: 2011 /BYT	-		5,97 x 10 ⁻³

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 14584/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample: Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Distarch phosphat acetylat (Tinh Bột Biến Tính CB)
2. Mã số mẫu/ Sample code: 04233831/DV.2
3. Mô tả mẫu
Sample description: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 400 g/túi.
Số lượng: 1. Số lô: 23021266A. NSX: Không có - HSD: Không có
Sample is put in a zipper bag, 400 g/bag. Quantity: 1
Lot No.: 23021266A. MFG: No information - EXP: No information
4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Sample storage time: Không có mẫu lưu
No storage sample
6. Ngày nhận mẫu
Sample received date: 22/04/2023
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 22/04/2023 - 08/05/2023
8. Nơi gửi mẫu
Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HAN VEDAN VIỆT NAM
Địa chỉ: Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Vedan Vietnam Enterprise Co., Ltd
Address: National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Commune
Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s) Các chỉ tiêu Hóa lý
Physicochemical tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1	Phản ứng đặc trưng đối với các nhóm acetyl Specific reactions for acetyl groups	-	QCVN 4-18:2011/BYT	Thực hiện phép thử, hơi tạo thành làm chuyển màu xanh giấy tẩm dung dịch bão hòa o-nitrobenzaldehyde When conducting the test, formed vapours produce a blue colour on a paper strip soaked in a saturated solution of o-nitrobenzaldehyde
9.2	Thử dương tính đối với các nhóm ester Positive test for ester groups	-	QCVN 4-18:2011/BYT	Phổ hồng ngoại cho thấy một dải hấp thụ ở khoảng 1.720 cm ⁻¹ The infrared spectrum shows a typical absorption band at about 1.720 cm ⁻¹

Hà Nội, 08/05/2023

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR



TS. Trần Cao Sơn
Tran Cao Son, PhD.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Testing Report / Báo cáo Kết quả Phân tích

WON: FST230406734-2

Date/Ngày: 21-Apr-2023

Applicant / ref. (Khách hàng / số yêu cầu) : VEDAN(VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD /
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Distarch phosphat
acetylat (Tinh Bột Biến Tính CB)-1414
Lotno: 23021266A

Sample description (Mô tả mẫu) : Modified Starch/ Tinh bột biến tính

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample submitted/ Mẫu nhận từ khách hàng

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 19-Apr-2023

Sample tested on (Ngày phân tích) : 19-Apr-2023

Testing Results / Kết quả phân tích

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Result / Kết quả	Test Method / Phương pháp phân tích
1	Xác định cấu trúc tinh bột bằng quan sát kính hiển vi (*)	Quan sát bằng kính hiển vi cho thấy cấu trúc điển hình của hạt tinh bột chưa được hồ hóa. Hình dạng, kích thước và các đường vân là đặc điểm của nguồn gốc thực vật. Dưới lăng kính nicol quan sát được sự phân cực chéo điển hình của hạt tinh bột.	QCVN 4-18:2011/BYT

Note /Ghi chú:

- This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (*) Parameters are not accredited ISO 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025.

On behalf of Intertek Vietnam-Can Tho branch



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho RZ,
Thanh Thuan Area, Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

HCM City - Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 08/03/2023